

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày 20-7-2021

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Võ Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Hòe

2. Ông Phạm Xuân Đức.

- Thư ký phiên tòa: ông Nông Đình Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa: ông Trương Văn Nhẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2021/TLST-HNGĐ, ngày 23-4-2021 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-DS, ngày 01-7-2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Đặng Thị Mỹ T; sinh năm 1992; địa chỉ: thôn A (Bon R), xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1986; nơi ĐKKHKT: thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: thôn A (Bon R), xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Đặng Thị Mỹ T trình bày: chị và anh Nguyễn Đức H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 08-02-2011. Quá trình sống chung, anh H không quan tâm, vợ chồng không có tiếng nói chung và ly thân từ tháng 10/2019. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: xin được ly hôn với anh H.
- Về con chung: chị và anh H có hai con chung là Nguyễn Hoàng Hải Y, sinh ngày 29-7-2011 và Nguyễn Tấn P, sinh ngày 28-11-2014, khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Y, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Đức H trình bày: anh thừa nhận lời chị T trình bày có phần đúng nhưng mâu thuẫn mới phát sinh từ tháng 10/2020 và không trầm trọng, tuy nhiên vợ chồng sống ly thân từ tết nguyên đán năm 2020. Chị T xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên mong gia đình đoàn tụ. Về con chung: anh và chị T có 02 người con chung, nếu phải ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi cả 02 con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đương sự giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thỏa thuận được các vấn đề liên quan đến nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến với các nội dung:

- Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn, bị đơn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: chị Đặng Thị Mỹ T được ly hôn với anh Nguyễn Đức H; về con chung: giao cháu Nguyễn Hoàng Hải Y, sinh ngày 29-7-2011 cho chị Đặng Thị Thùy T, giao cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 28-11-2014 cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: chị Đặng Thị Mỹ T yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn và nuôi con với anh Nguyễn Đức H; chị T và anh H có đăng ký kết hôn nên quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*"; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Đặng Thị Thùy T và anh Nguyễn Đức H kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc, đăng ký kết hôn ngày 08-02-2011 tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi là hợp pháp. Do anh H không quan tâm gia đình, tính tình không hợp, chị T và anh H đã sống ly thân, điều này thể hiện đời sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T là đúng với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: các con chung của chị T và anh H còn nhỏ, hiện đang ở với mẹ, tuy nhiên theo nguyện vọng các con cần giao cháu Nguyễn Hoàng Hải Y, sinh ngày 29-7-2011 cho chị Đặng Thị Thùy T, giao cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 28-11-2014 cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là có căn cứ; về cấp dưỡng nuôi con: không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[3] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thùy T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Đặng Thị Thùy T được ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

1.2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Hoàng Hải Y, sinh ngày 29-7-2011 cho chị Đặng Thị Thùy T, giao cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 28-11-2014 cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom, để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3. Về cấp dưỡng: chị Đặng Thị Thùy T và anh Nguyễn Đức H không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Đặng Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005875, ngày 23-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ; chị T đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn, (để vào sổ Hộ tịch); (đã ký và đóng dấu)
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Vinh